

CHỦ NGHĨA KHU VỰC ĐÔNG Á VÀ QUAN HỆ NHẬT BẢN – ASEAN

LÊ HOÀNG ANH*

Gần đây, sự quan tâm đối với chủ nghĩa khu vực Đông Á ngày càng gia tăng. Trong khi các nước Châu Âu, Châu Mỹ, thậm chí cả Châu Phi đang cho thấy những động thái tích cực trong việc hợp tác và thống nhất khu vực trên nền tảng của chủ nghĩa khu vực thì ở Châu Á, vấn đề này dường như được diễn ra khá chậm chạp. Các nước Châu Âu, những nước đi tiên phong trong quá trình thống nhất và hợp tác khu vực khi đánh giá về Châu Á đã khẳng định rằng, Châu Á cũng sẽ trở thành khu vực thống nhất và hợp tác, song có lẽ sẽ không thể hoàn toàn giống như mô hình của EU.

Điều này cũng có thể lý giải được khi xem xét Châu Á như một tổng thể. Châu Á về mặt địa lý rất rộng lớn; về văn hoá, xã hội cũng vô cùng đa dạng và phong phú. Bởi vậy, để tìm ra một đặc tính chung cho toàn bộ khu vực Châu Á là một điều rất khó. Tuy nhiên, nếu ta thu hẹp khái niệm “Châu Á” thành “Đông Á” thì ở một mức độ nào đó chúng ta sẽ dễ tìm ra được “tính nhất thể” của một “khu vực Đông Á”. Vậy “Đông Á” được hiểu như thế nào? Cách hiểu chung nhất về Đông Á là một khu vực bao gồm Đông Bắc Á là Nhật Bản, Bán đảo Triều Tiên và Trung Quốc, và Đông Nam Á gồm Indonesia, Malaysia, Philippine, Singapore, Thái Lan, Brunei, Việt Nam, Campuchia, Lào, Mianma.

Định nghĩa này xuất phát từ ý tưởng về khối kinh tế theo mô hình nhóm kinh tế Đông Á (EAEG: East Asian Economic Group) của Thủ tướng Malaysia Mahathir vào những năm 1990. Ý tưởng này nhằm tổ chức Đông Á như một khối trong khu vực, hay còn gọi là “hình thức khuynh hướng khu vực khép kín” và xây dựng EAEG thành một khu vực buôn bán ưu đãi chính thức. Tuy nhiên sáng kiến này của Thủ tướng Mahathir dường như không có được bước tiến như mong muốn. Và cho đến nay, cái thực sự gọi là “chủ nghĩa khu vực Đông Á” vẫn đang trong quá trình hình thành.

1. Quá trình hình thành của chủ nghĩa khu vực Đông Á những năm 1990

Chủ nghĩa khu vực Đông Á thực sự bắt đầu được triển khai mạnh mẽ vào những năm 1990. Về tổng thể có thể chia thành 4 điểm mốc chính. Thứ nhất, đó là đề xuất của Thủ tướng Australia Hork vào năm 1989 về việc thiết lập cơ quan liên chính phủ trong hợp tác khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Đề xuất này đã được Hội nghị cấp cao về Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tổ chức cùng năm tại Canberra nhất trí. Sau đó vào năm 1993, APEC đã tổ chức Hội nghị cấp cao không chính thức về kinh tế tại Shiatol và tổ chức này chính thức được thể chế hoá một bước. Thứ hai, đó là sáng kiến của Nhật Bản về đối thoại chính trị giữa các

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Vào năm 1990, tại New York, Nhật Bản và Indonesia đã đồng tổ chức Hội nghị Ngoại trưởng các nước Châu Á - Thái Bình Dương. Năm 1991, tại Hội nghị Ngoại trưởng mở rộng các nước ASEAN, theo sáng kiến của Nhật Bản, đề xuất về đối thoại chính trị giữa Ngoại trưởng các nước tham gia Hội nghị đã được thông qua. Đề xuất này đã được cụ thể hoá thông qua việc tổ chức Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) vào năm 1994. Thứ ba, đó là những động thái nhằm hướng tới ASEAN 10 mà khởi điểm là đơn xin gia nhập ASEAN của Việt Nam vào năm 1994. Kết quả là ASEAN đã được mở rộng thành ASEAN 10 bao gồm cả Việt Nam (1995), Lào và Mianma (1997), Campuchia (1999). Đối với Nhật Bản, sự kiện này đã đánh dấu sự hình thành một thể chế hoà bình và thịnh vượng trên toàn khu vực Đông Nam Á như cố Thủ tướng Nhật Bản Fukuda đã phát biểu trong bài diễn thuyết của mình tại Manila năm 1977 về hợp tác khu vực. Thứ tư, đó là sự kiện Hội nghị Á Âu (ASEM) tổ chức tại Bangkok năm 1996 và cuộc khủng hoảng tiền tệ Châu Á năm 1997. Trước thềm của Hội nghị cấp cao ASEM về phía các nước Châu Á đã diễn ra Hội nghị Ngoại trưởng giữa 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và 7 nước ASEAN. Mặt khác, cuộc khủng hoảng tiền tệ Châu Á đã cho thấy sự cần thiết phải gia tăng hợp tác khu vực nhằm tái sinh nền kinh tế Châu Á mà trước hết là vấn đề tài chính - tiền tệ. Vào năm 1997, ở cấp Thủ tướng, đã diễn ra Hội nghị cấp cao giữa 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn

Quốc và các nước ASEAN, và từ năm 1998, Hội nghị này trở thành Hội nghị thường niên. Vào năm 1999, theo đề xuất của Nhật Bản, tại Hội nghị thường niên này đã diễn ra cuộc đối thoại chính trị ở cấp Thủ tướng giữa 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc, và cũng đã đạt được thoả thuận tổ chức thường niên các cuộc đối thoại chính trị giữa 3 nước này.

Như vậy có thể nói rằng, quá trình hình thành chủ nghĩa khu vực Đông Á những năm 1990 có một đặc trưng lớn nhất là được xuất phát từ sáng kiến hợp tác khu vực ở phạm vi rộng (APEC, AFR), sau đó được thu hẹp lại ở hợp tác khu vực có quy mô nhỏ hơn là ASEAN + 3 (Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc) và cuối cùng được thu hẹp hơn nữa ở sự đối thoại chính trị và hợp tác giữa 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Vậy tương lai và triển vọng của chủ nghĩa khu vực Đông Á như thế nào?

2. Tương lai và triển vọng của chủ nghĩa khu vực Đông Á

Có một học giả theo thuyết xung đột giữa các nền văn minh đã giải thích rằng, Nhật Bản là một nước đơn độc về văn hoá và văn minh, do đó không có một nước nào trên thế giới có mối "quan hệ gia đình" với Nhật Bản. Bởi vậy, trong quan hệ giữa Trung Quốc, Nhật Bản và Mỹ vấn đề cốt lõi là vấn đề chính trị Đông Á. Tuy nhiên trong mối quan hệ này, việc tăng cường hơn nữa quan hệ giữa Nhật Bản và Trung Quốc vốn đã "yếu" là rất khó bởi sự khác biệt về văn hoá và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Đối với Nhật Bản, đây là một kịch bản vô cùng bi quan

nhưng không phải là không có căn cứ. Đứng trên quan điểm của “thuyết thoát Á” thì Nhật Bản đang đứng trước nguy cơ rơi vào “khoảng trống rất hẹp giữa Châu Á và Âu Mỹ”.

Đứng trước bối cảnh như vậy, sự hình thành chủ nghĩa khu vực Đông Á sẽ là “cứu thế” cho Nhật Bản thoát ra khỏi kịch bản bị quan nêu trên. Liệu Cộng đồng Đông Á có được hình thành một cách thuận lợi hay không? Có thể nêu lên một vài nguyên nhân tích cực cho quá trình này. *Thứ nhất*, phần lớn các nước Đông Á mà đặc biệt là các nước Đông Bắc Á đều chịu ảnh hưởng rất lớn của văn minh Trung Hoa từ thời kỳ cổ đại mà điển hình là Nho giáo, bởi vậy, có rất nhiều điểm chung về văn hoá. *Thứ hai*, với kinh nghiệm tồn tại hơn 35 năm của ASEAN, ít nhiều giữa các nước Đông Nam Á cũng có kinh nghiệm về chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á. *Thứ ba*, Nhật Bản là một nước đã thành công trong phát triển kinh tế, trở thành một “mô hình tăng trưởng” cho các nước trong khu vực và đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc dẫn dắt các nước khác trong khu vực phát triển kinh tế.

Bên cạnh những nguyên nhân tích cực cũng có không ít nguyên nhân tiêu cực cản trở quá trình hình thành chủ nghĩa khu vực Đông Á. *Thứ nhất*, về thu nhập quốc dân có thể thấy rõ sự chênh lệch khá lớn giữa các nước trong khu vực, bởi vậy có sự chênh lệch lớn về kinh tế và xã hội. *Thứ hai*, chế độ chính trị trong khu vực cũng rất đa dạng bởi vậy có khoảng cách lớn về chính trị. Chính vì lẽ đó mà quá trình thúc đẩy hơn nữa sự hình thành của chủ nghĩa khu vực được dự báo

rằng sẽ gặp không ít khó khăn, trong đó không loại trừ khả năng sẽ gặp phải cả phản đối của Mỹ và các nước Châu Âu trong trường hợp tiến hành thống nhất về kinh tế trong khu vực Đông Á. Tuy nhiên tiến độ và tốc độ của quá trình hình thành nên chủ nghĩa khu vực Đông Á sẽ phụ thuộc vào mong muốn và sự quan tâm của các nước trong khu vực, mà trước hết là 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc.

Đối với Nhật Bản, trong “Chiến lược Nhật Bản thế kỷ 21, vì hoà bình và thịnh vượng của Nhật Bản” đã khẳng định “không đơn độc trong khu vực, trên cơ sở duy trì quan hệ hữu hảo với Trung Quốc, chủ nghĩa khu vực Đông Á cùng với chủ nghĩa khu vực Châu Á Thái Bình Dương sẽ là sự lựa chọn đúng đắn”. Từ kinh nghiệm thống nhất kinh tế của EU, chủ nghĩa khu vực Đông Á sẽ không chỉ là thể chế của các nước trong khu vực và còn bao gồm cả mối quan hệ song phương với các nước ngoài khu vực. Chính vì lẽ đó mà Nhật Bản nhận thấy rằng, trong quá trình thúc đẩy sự hình thành chủ nghĩa khu vực Đông Á sẽ không còn sự lựa chọn song phương hay đa phương mà đòi hỏi sự kết hợp giữa cả song phương và đa phương vì sự ổn định và thịnh vượng của khu vực Đông Á, và với tư cách là nước “dẫn đầu” trong khu vực, Nhật Bản sẽ phải có nhiều sáng kiến hơn nữa vì chủ nghĩa khu vực Đông Á.

3. Quan hệ Nhật Bản - ASEAN trong bối cảnh của chủ nghĩa khu vực Đông Á

Các nhà lịch sử khi bàn về ngoại giao Nhật Bản vào đầu thế kỷ 21 thường cho rằng sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa

khu vực Đông Á sẽ trở thành một dấu ấn mở đầu cho một thời kỳ mới trong chính sách ngoại giao của Nhật Bản. Một biểu hiện cụ thể của nó chính là sự thể chế hóa của ASEAN + 3. Và những chủ trương, chiến lược của Chính phủ Nhật Bản về vấn đề này đã được thể hiện rất rõ trong bài diễn thuyết của nguyên Thủ tướng Koizumi tại Singapore ngày 14 tháng 1 năm 2002, gồm 3 điểm chính như sau:

Thứ nhất, đề xuất xây dựng ở Đông Á một “cộng đồng cùng bước cùng tiến”. Thành viên trụ cột của cộng đồng này sẽ là Nhật Bản, các nước ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, và các nước này “hy vọng rằng sẽ cùng vượt qua sự đa dạng về lịch sử, văn hóa, dân tộc, truyền thống để tạo ra một sự kết hợp hài hòa những yếu tố trên và cùng tồn tại”

Thứ hai, chủ trương xây dựng một Cộng đồng Đông Á “trên cơ sở nền tảng của mối quan hệ giữa Nhật Bản và ASEAN, thông qua hợp tác khu vực Đông Á đang ngày càng mở rộng”. Chủ trương này đặc biệt được chú trọng từ sau khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính vào năm 1997.

Thứ ba, sự hợp tác trong Cộng đồng Đông Á phải được hình thành trên cơ sở liên kết chặt chẽ với các khu vực khác. Nói một cách cụ thể là vai trò “cần thiết không thể thiếu” của Mỹ nhìn từ góc độ bảo đảm an ninh và hợp tác kinh tế, và đặc biệt Nhật Bản luôn khẳng định quan hệ đồng minh với Mỹ. Mặc dù Mỹ không phải là nước thành viên của Cộng đồng Đông Á song Nhật Bản luôn nhấn mạnh đến vai trò của Mỹ đối với khu

vực trên phương diện bảo đảm an ninh.

Với đề xuất và chủ trương nêu trên, để tăng cường và mở rộng quy mô hợp tác trong khu vực Đông Á, trong chuyến đi thăm 5 nước thành viên ASEAN vào tháng 1 năm 2002, Thủ tướng Koizumi đã đề xuất 5 sáng kiến, trong đó có 2 sáng kiến được đặc biệt chú trọng tới là *Sáng kiến Phát triển ở Đông Á* (IDEA: Initiative for Development in East Asia) và *Sáng kiến về Hợp tác kinh tế toàn diện Nhật Bản - ASEAN* (CEP: Japan - ASEAN Comprehensive Economic Partnership). Có thể nói rằng, những sáng kiến do Nhật Bản đề xuất đã giải thích một phần nào quan điểm của Nhật Bản đối với thế giới bên ngoài, chẳng hạn như trong Tuyên bố chung về Hợp tác kinh tế toàn diện Nhật Bản - ASEAN đã nhận định rằng: “Sự tiến bộ nhanh chóng của hội nhập kinh tế khu vực, đặc biệt là ở khu vực Châu Âu và Bắc Mỹ đã làm gia tăng sự tự do hóa thương mại trên thế giới, và điều này đã thúc đẩy sự năng động trong khu vực Đông Á”.⁽¹⁾

Mặt khác, trên phạm vi khu vực, những đề xuất trên của Nhật Bản cũng được xem như là những phản ứng của Nhật Bản trước Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc. Thực chất, sự ra đời của ASEAN + 3 chính là sự thể hiện của Sáng kiến phát triển trong khu vực Đông Á, hay nói theo cách khác thì Sáng kiến phát triển trong khu vực Đông Á đã trở thành một phần của Hiệp định khung ASEAN + 3 và là một bằng chứng cho sự cam kết về chính trị lâu dài của Nhật Bản đối

⁽¹⁾ Tuyên bố báo chí của Chủ tịch Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Nhật Bản ngày 5/11/2002.

với khu vực Đông Nam Á nói riêng và đối với khu vực Đông Á nói chung. Thêm vào đó, Nhật Bản hứa sẽ tiếp tục hỗ trợ cho các nước ASEAN trong việc thực hiện Sáng kiến phát triển IDEA bằng cách “nhấn mạnh sự kết hợp chặt chẽ giữa ODA, FDI với sự gia tăng thương mại đối với các nước đang phát triển”.

Như chúng ta đã biết, Trung Quốc là một nước có bước tiến nhanh nhất nhằm thiết lập Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc vào tháng 11 năm 2001 và đã nhận được sự ủng hộ từ nguyên thủ các nước ASEAN. Trong khi đó, Nhật Bản lại không đề xuất Hiệp định tự do thương mại với tất cả các nước ASEAN, nhưng lại là quốc gia đầu tiên tiến hành đàm phán song phương với Singapore trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do. Cách tiếp cận của Nhật Bản đối với ASEAN như vậy có thể được xem như là một phản ứng của Nhật Bản đối với Trung Quốc. Trong thời gian diễn ra Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Nhật Bản vào tháng 10 năm 2002, Nhật Bản đã tiến hành ký kết với các thành viên của ASEAN một tuyên bố chung theo khuôn khổ hợp tác kinh tế toàn diện nhằm tiến tới một sự hợp tác kinh tế cụ thể hơn, bao gồm “các yếu tố thương mại tự do trong khu vực sẽ được thực hiện một cách đầy đủ ngay khi có thể trong vòng 10 năm tới”. Hiệp định khung sơ bộ về hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN- Nhật Bản được nhất trí tại Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 35 tổ chức tại Phnôm Pênh vào tháng 9 năm 2003 và vào tháng 10 năm 2003, nguyên thủ các nước đã ký kết Hiệp định khung này tại Hội nghị thượng đỉnh

ASEAN-Nhật Bản tại Bali, Indonesia.

Chúng ta có thể thấy rằng, cách tiếp cận của Nhật Bản với ASEAN có nhiều điểm khác với cách tiếp cận của Trung Quốc. Sự khác biệt này xuất phát từ trình độ phát triển kinh tế của 2 nước và của bản thân các nước thành viên ASEAN. Đối với Nhật Bản, sự chênh lệch trong phát triển kinh tế của mỗi nước đã buộc Nhật Bản phải thận trọng trong hợp tác toàn diện với tất cả các nước thành viên của ASEAN, bởi vậy Nhật Bản đã lựa chọn hợp tác song phương làm tiền đề cho một sự hợp tác toàn diện và coi hợp tác song phương như một chiến lược trong việc đàm phán hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản. Khởi đầu của việc này là Nhật Bản đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế song phương với Singapore vào tháng 2 năm 2002 và sự thành công của Hiệp định này đã trở thành tiền đề cho các cuộc đàm phán tiếp theo về Hiệp định khung đối với hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Nhật Bản. Cho tới nay, Nhật Bản đã thảo luận xong về Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện tương tự với Philippine, Malaysia và Thái Lan và dự tính rằng 4 Hiệp định thương mại tự do CEP/FTA giữa Nhật Bản và Singapore, Nhật Bản - Thái Lan, Nhật Bản - Philippine và Nhật Bản - Malaysia sẽ chiếm khoảng 70% tỷ trọng thương mại của Nhật Bản với ASEAN. Như vậy, sự khác biệt lớn nhất trong cách tiếp cận của Nhật Bản với ASEAN là ở một chừng mực nào đó, Nhật Bản tập trung nhấn mạnh vào Hiệp định thương mại tự do song phương với một số thành viên của ASEAN hơn là tập trung vào một Hiệp định chung cho toàn khu

vực ASEAN. Trong khi đó, Trung Quốc lại tập trung đàm phán về một Hiệp định thương mại tự do đa phương với tất cả các thành viên ASEAN và từ sự thành công này sẽ tiến hành các cuộc đàm phán song phương với từng nước thành viên.

Tuy nhiên, ở đây chúng ta thấy có một sự mâu thuẫn trong chiến lược của Nhật Bản. Như phần trên đã trình bày, Nhật Bản chủ trương về mặt chiến lược là hình thành nên một khu vực Đông Á “hợp tác, thịnh vượng, hòa bình và ổn định”. Để hình thành nên một “chủ nghĩa khu vực Đông Á” theo đúng nghĩa của nó cần thiết phải mở rộng hợp tác trên tất cả mọi phương diện giữa các thành viên của Đông Á. Nhưng sự tập trung của Nhật Bản cho các Hiệp định hợp tác kinh tế song phương như nêu trên phải chăng có thể sẽ làm suy yếu động lực thúc đẩy tiến trình của ASEAN+3. Bởi trên cơ sở của Hiệp định hợp tác song phương thì mỗi thành viên chắc chắn sẽ có những tiêu chí thỏa thuận của riêng mình với Nhật Bản, đặc biệt là về các vấn đề như quy mô và chế độ đầu tư, quy mô thương mại... Như vậy, đối với những thành viên có nền kinh tế phát triển thì đây là một lợi thế nhưng đối với những thành viên “đi sau”, đặc biệt là những thành viên mới của ASEAN thì quá trình này sẽ bị đẩy lùi. Mặt khác, các Hiệp định hợp tác kinh tế song phương sẽ tạo ra tốc độ tự do hóa thương mại khác nhau giữa các thành viên ASEAN với Nhật Bản. Điều này cũng sẽ gây trở ngại cho tiến trình đàm phán Hiệp định thương mại tự do đa phương và khu vực. Đối với các thành viên mới sẽ có ít cơ hội hơn bởi các điều kiện được đưa ra trong Hiệp định thương mại tự do chung sẽ phần nào đồng nhất với các

điều kiện song phương mà Nhật Bản đã ký với các thành viên có nền kinh tế phát triển hơn trong ASEAN. Mặt khác, các quốc gia thành viên đã có Hiệp định thương mại tự do song phương với Nhật Bản sẽ tập trung nhiều hơn vào Hiệp định song phương của mình mà ít quan tâm tới Hiệp định chung cho khu vực, còn đối với các thành viên mới của ASEAN chưa có hiệp định thương mại tự do song phương thì hoặc sẽ bị bỏ qua, hoặc mất cơ hội trong tiến trình hợp tác kinh tế khu vực.

Tuy nhiên, mặc dù có mâu thuẫn như vậy song Hội nghị các Bộ trưởng kinh tế lần thứ 35 tại Phnôm Pênh năm 2003 đã khẳng định sự thành công của Hiệp định khung cho hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Nhật Bản cùng những nhân tố của hợp tác kinh tế toàn diện xét trên góc độ kinh tế của mỗi nước thành viên. Hy vọng rằng, những quan điểm của Nhật Bản trong hợp tác kinh tế khu vực sẽ có tác động tích cực đối với các thành viên của ASEAN, đặc biệt là đối với thành viên mới cũng như đối với quan điểm của Trung Quốc. Và các thành viên mới của ASEAN sẽ không bị bỏ qua trong tiến trình này nếu ASEAN và Nhật Bản bắt đầu thương thuyết và đàm phán về một hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện giữa ASEAN và Nhật Bản nói chung, bao gồm cả những nhân tố của một khu vực thương mại tự do có thể được hình thành trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. JIIA Newsletter, số 181, tháng 5/2002.
2. JIIA Newsletter, số 121, tháng 8,9/2003.
3. JIIA Newsletter, các số năm 2004 và 2005.